

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-ST

Ngày: 12-10-2018

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Ông Lương Văn Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2018 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số 18 đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N. Địa chỉ chi nhánh: 160 đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014 và Giấy ủy quyền số: 65/NHNoYĐo-UQ ngày 24-9-2018).

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H

Địa chỉ: Số 454 đường X, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Trong năm 2009, ông Võ Văn H vay tiền tại Chi nhánh Ngân hàng N và ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 34/09/ HĐTD lập ngày 24 tháng 04 năm 2009:

Ông Võ Văn H vay tiền của Ngân hàng N số tiền: 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Mục đích xin vay: Buôn chuyển quần áo may sẵn.

Lãi suất vay: 10.5%/năm.

Kỳ hạn cho vay: 12 tháng.

Kỳ hạn trả nợ: 1 kỳ.

Ngày trả nợ cuối cùng: 24-04-2010.

Kỳ hạn trả lãi: Cùng kỳ với trả nợ gốc.

Về biện pháp bảo đảm tiền vay: Ông Võ Văn H thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số: 47/09/HĐTC ngày 24-04-2009 gồm:

- Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số: 81L-4209; Giấy đăng ký xe ô tô khách số 0003448 cấp ngày 01-02-2007 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp.

- Xe ô tô nhãn hiệu CHONGQING, biển số 81K-8537; Giấy đăng ký xe ô tô khách số 0004483 cấp ngày 29-3-2005 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp.

2. Hợp đồng tín dụng số: 79/09/ HĐTD lập ngày 23 tháng 06 năm 2009:

Ông Võ Văn H vay tiền của Ngân hàng N số tiền: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Mục đích xin vay: Buôn chuyển quần áo may sẵn.

Lãi suất vay: 10.5%/năm.

Kỳ hạn cho vay: 12 tháng.

Kỳ hạn trả nợ: 1 kỳ.

Ngày trả nợ cuối cùng: 23-06-2010.

Kỳ hạn trả lãi: Cùng kỳ với trả nợ gốc.

Về biện pháp bảo đảm tiền vay: Ông Võ Văn H thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số: 85/09/HĐTC ngày 23-06-2009, tài sản gồm:

- Tài sản là nhà ở và đất ở tại: Số 454 đường X, Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số: 60301070254 do UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 20-12-2002, chủ sở hữu là: Ông Võ Văn H.

3. Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD lập ngày 05 tháng 10 năm 2009:

Ông Võ Văn H vay tiền của Ngân hàng N số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Mục đích xin vay: Mua bán hàng nông sản.

Lãi suất vay: 10.5%/năm.

Kỳ hạn cho vay: 12 tháng.

Kỳ hạn trả nợ : 1 kỳ.

Ngày trả nợ cuối cùng: 05-10-2010.

Kỳ hạn trả lãi: Cùng kỳ với trả nợ gốc.

Về biện pháp bảo đảm tiền vay: Ông Võ Văn H thế chấp các tài sản theo:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 149/09/HĐTC ngày 05-10-2009; tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: AH 176727 do UBND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-01-2007; chủ sở hữu là: Ông Võ Văn H (đảm bảo cho vay 100.000.000đồng)

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 149a/09/HĐTC ngày 05-10-2009; tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại: Thôn 5, xã D, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: AD 255408 do UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15-08-2005; chủ sở hữu là: Ông Võ Văn H (đảm bảo cho vay 200.000.000đồng).

Quá trình thực hiện quan hệ tín dụng giữa Chi nhánh Ngân hàng N với ông Võ Văn H, ngân hàng đã tạo điều kiện thuận lợi cho ông Võ Văn H nhận tiền vay đúng tiến độ để sử dụng cho phương án kinh doanh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khi nợ quá hạn Ngân hàng đã thông báo và mời ông H lên làm việc nhiều lần để giải quyết nợ. Do ông H không có khả năng trả nợ nên giữa Chi nhánh Ngân hàng N và ông H đã thống nhất thỏa thuận bán tài sản thế chấp của các hợp đồng tín dụng nêu trên để trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 34/09/HĐTD lập ngày 24 tháng 04 năm 2009, số tiền được trả từ: Số tiền có được từ 02 (hai) Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng cùng ngày 29-7-2010, về việc: Ủy quyền bán đấu giá tài sản là: Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số: 81L-4209 và xe ô tô Nhãn hiệu CHONGQING, biển số: 81K-8537. Ngày 17-12-2010, bán đấu giá thành đối với xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số: 81L-4209, giá bán là: 324.000.000đồng, sau khi trừ đi chi phí đấu giá, số tiền còn lại là: 310.640.000đồng được thu nợ vào ngày 20-12-2010. Ngày 30-3-2011, bán đấu giá thành đối với xe ô tô nhãn hiệu CHONGQING, biển số: 81K-8537, giá bán là: 64.600.000đồng; sau khi trừ đi chi phí số tiền còn lại là: 50.022.000đồng được thu nợ vào ngày 16-5-2011. Ngoài ra, ngày 04-3-2011, thu nợ gốc số tiền là 15.007.000đồng từ số tiền có được từ bán tài sản là thửa đất tại: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; ngày 12-9-2011 thu nợ gốc từ tài khoản tiền gửi của ông Võ Văn H số tiền là: 450.000đồng. Số tiền gốc còn nợ của hợp đồng này là: 237.881.000đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 79/09/ HĐTD ngày 23 tháng 06 năm 2009, số tiền được trả từ: Ông Võ Văn H thỏa thuận với ngân hàng tự bán tài sản là nhà ở đất ở tại: Số 454 đường X, Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai với giá là: 600.000.000đồng. Ngày 03-11-2010, ngân hàng thu nợ gốc số tiền là: 599.950.000đồng, số tiền gốc còn nợ là: 50.000đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD lập ngày 05 tháng 10 năm 2009, số tiền được trả từ: Ông Võ Văn H thỏa thuận với Ngân hàng tự bán tài sản là: Quyền sử dụng đất tại: Thôn ,5 xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai với giá là: 200.000.000đồng. Ngày 03-11-2010, ngân hàng thu nợ gốc số tiền là: 200.050.000đồng. Theo Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng cùng ngày 29-7-2010, về việc: Ủy quyền bán đấu giá tài sản là: Quyền sử dụng đất tại: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ngày 28-01-

2011, bán đấu giá thành với giá bán là: 131.220.000đồng, sau khi trừ đi các khoản chi phí đấu giá số tiền còn lại là: 120.752.000đồng. Ngày 16-12-2010, ngân hàng thu nợ gốc số tiền là: 99.900.000đồng, số tiền gốc còn nợ là: 50.000đồng.

Về tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng nêu trên: Ông H không thanh toán.

Sau khi bán tài sản thế chấp và trừ vào nợ gốc thì ông Hòa không tiếp tục trả nợ. Ngân hàng đã có thông báo đòi nợ, thông báo mời làm việc nhiều lần để trả nợ số còn lại nhưng ông H không phối hợp làm việc và không trả đầy đủ tiền nợ gốc và tiền lãi, tiền lãi phát sinh trên các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Võ Văn H phải trả số tiền vay của các Hợp đồng tín dụng: số 34/09/HĐTD ngày 24-4-2009, số 79/09/HĐTD ngày 23-6-2009 và số 171/09/HĐTD ngày 05-10-2009 và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 18-6-2018 tổng cộng là: 1.014.149.356đ, trong đó: Nợ gốc là: 273.981.000đồng; tiền lãi phát sinh đến ngày 18-6-2018 là: 740.168.356đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã áp dụng lãi suất: *“Khi lãi suất thay đổi bên vay thực hiện theo thông báo của bên cho vay”* quy định tại điểm 2.1 Điều 2 của hợp đồng tín dụng. Do đó, từ thời điểm ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến nay, ngân hàng đã nhiều lần điều chỉnh lãi suất tiền vay như: lãi suất 10,5%/năm, 12%/năm, 15%/năm . . . tương ứng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Việc áp dụng các mức lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn nêu trên dẫn đến việc ông Hòa phải trả số tiền lãi phát sinh cao hơn so với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp là 10,5%/năm. Do đó, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết buộc ông Võ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 10,5%/năm tạm tính đến ngày xét xử (ngày 12-10-2018) và trả khoản tiền lãi chậm trả tiếp tục phát sinh từ ngày 13-10-2018 theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng như sau:

1. Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 34/09/ HĐTD lập ngày 24 tháng 04 năm 2009 tính đến ngày 12-10-2018 là: **705.532.799đồng**, trong đó: tiền gốc là 273.881.000đồng, tiền lãi là **431.651.779đồng**.

2. Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 79/09/ HĐTD lập ngày 23 tháng 06 năm 2009 tính đến ngày 12-10-2018 là: 61.838.459đồng, trong đó: tiền gốc là 50.000đồng, tiền lãi là 61.788.459đồng.

3. Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD lập ngày 05 tháng 10 năm 2009 tính đến ngày 12-10-2018 là: 31.015.116đồng, trong đó: tiền gốc là 50.000đồng, tiền lãi là 30.965.116đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Võ Văn H và Chi nhánh Ngân hàng N giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức hợp đồng tín dụng giữa một bên là tổ chức tín dụng với một bên là cá nhân vay kinh doanh và có đăng ký kinh doanh, các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hòa cư trú tại: Số 454 đường X, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng thỏa thuận Tòa án nơi Chi nhánh Ngân hàng N có trụ sở giải quyết tranh chấp nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc tổng đạt văn bản tố tụng và xác định đương sự trong vụ án:

- Qua xác minh nơi cư trú của ông Võ Văn H tại: Số 454 đường X, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác định: “Ông Võ Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này nhưng hiện đã chuyển đi nơi khác sinh sống”.

Tại các Biên bản xác minh ngày 13-7-2018 tại: Tổ dân phố 4, thị trấn C, Công an thị trấn C và UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xác định: “Ông Võ Văn H sống chung với bà Nguyễn Thị N từ năm 2010 đến nay tại: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và có 03 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn”. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú hiện nay của ông H là: tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và thực hiện thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo địa chỉ này.

- Bà Nguyễn Thị N chung sống với ông Võ Văn H từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn; các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa ông H và Chi nhánh Ngân hàng N đều xác lập trước thời điểm năm 2010 nên không làm phát sinh

quyền và nghĩa vụ của bà N. Vì vậy, Tòa án không xác định bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Về chứng cứ vụ án:

- Bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không nộp chứng cứ cho Tòa án. Do đó, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ.

[1.5] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng N thay đổi yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc áp dụng lãi suất của hợp đồng tín dụng; theo đó ngân hàng chỉ áp dụng mức lãi suất là 10,5%/năm, không áp dụng lãi suất: *“Khi lãi suất thay đổi bên vay thực hiện theo thông báo của bên cho vay”* quy định tại điểm 2.1 Điều 2 của các hợp đồng tín dụng từ thời điểm giao kết hợp đồng cho đến ngày xét xử (ngày 12-10-2018). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn H phải trả số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số: 34/09/HĐTD lập ngày 24 tháng 04 năm 2009, Hợp đồng tín dụng số: 79/09/HĐTD lập ngày 23 tháng 06 năm 2009 và Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD lập ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Tại Biên bản về việc xử lý nợ vay ngân hàng ngày 02-11-2010 thể hiện tổng số tiền còn nợ của 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.550.000.000đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số: 34/09/ HĐTD lập ngày 24 tháng 04 năm 2009 dư nợ là 650.000.000đồng, Hợp đồng tín dụng số: 79/09/ HĐTD lập ngày 23 tháng 06 năm 2009 dư nợ 600.000.000đồng, Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD lập ngày 05 tháng 10 năm 2009 dư nợ 300.000.000đồng. Ngoài ra, tại Biên bản về việc xử lý nợ vay ngân hàng ngày 02-11-2010, Ngân hàng N và ông H đã thống nhất xử lý nợ vay theo hướng ông H bán tài sản thế chấp để trả nợ.

Thực hiện thỏa thuận tại Biên bản về việc xử lý nợ vay ngân hàng ngày 02-11-2010, số tiền có được từ việc bán tài sản đã được Ngân hàng N căn trừ vào nợ gốc của các hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộp kèm theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện . . . mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Mặt khác, qua xem xét nội dung các hợp đồng tín dụng nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận các nội dung ghi trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các Hợp đồng tín dụng đã ký kết có hiệu lực pháp luật.

Theo Điều 3 của các Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng kèm theo thì từ ngày vay tính đến ngày 02-11-2010 là đã quá hạn của hợp đồng nên ông H đã vi phạm thời hạn trả tiền; không trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh của các Hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp:

Ngân hàng N đã tạo điều kiện cho ông Võ Văn H tự bán 02 tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 60301070254, do UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 20-12-2002 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 255408, do UBND thành phố P cấp ngày 15-8-2005.

Đối với các tài sản còn lại, ông Võ Văn H đã ủy quyền cho Ngân hàng N theo các Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Thực hiện công việc ủy quyền, Ngân hàng N đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá tài sản là: Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Gia Lai.

Xét thấy, việc thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp của các bên là phù hợp với Điều 7 của các Hợp đồng tín dụng, Điều 4 của các Hợp đồng thế chắptài sản và quy định của pháp luật và; đồng thời các bên đã tự thực hiện xong các thỏa thuận này. Do đó, các thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp này có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Ông H không xuất trình được tài liệu gì thể hiện đã thanh toán số nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ sau thời điểm bán tài sản thế chấp đến nay. Ngân hàng N yêu cầu ông Võ Văn H phải trả số tiền vay nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất là 10,5%/năm tạm tính đến ngày 12-10-2018 của các hợp đồng tín dụng tổng cộng là: 798.386.374đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

Theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả tiền khi đến hạn”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, ông H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh của các hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 51, Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Võ Văn H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-10-2018 tổng cộng là: 798.386.374đ (Bảy trăm chín mươi tám triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó:

- Tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-10-2018 của Hợp đồng tín dụng số: 34/09/ HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2009 là: **705.532.799đồng, gồm: Tiền gốc là 273.881.000đồng, tiền lãi là 431.651.799đồng.**

- Tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-10-2018 của Hợp đồng tín dụng số: 79/09/ HĐTD ngày 23 tháng 06 năm 2009 là: 61.838.459đồng, gồm: Tiền gốc là 50.000đồng, tiền lãi là 61.788.459 đồng.

- Tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12-10-2018 của Hợp đồng tín dụng số: 171/09/ HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2009 là: 31.015.116đồng, gồm: Tiền gốc là 50.000đồng, tiền lãi là 30.965.116đồng.

Kể từ ngày 13-10-2018, ông Võ Văn Hòa tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng: Số 34/09/ HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2009, số 79/09/ HĐTD ngày 23 tháng 06 năm 2009 và số 171/09/ HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2009 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

2. Về án phí:

Ông Võ Văn H phải chịu **35.935.455đ (Ba mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.212.240đ (Hai mươi một triệu, hai trăm mười hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng) theo biên lai số 0003789 ngày 28-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

